

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 09/09/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bính.

Ôngng Vũ Xuân Dư.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2021/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L – sinh năm 1996; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 8, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng Hải S – sinh năm 1991; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phố Kiến Thái, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang tạm trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị L, anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Lê Hoàng Hải S kết hôn hợp pháp với nhau đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại phố K, thị trấn P được khoảng 5, 6 tháng hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh S chơi bời nghiện hút nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh Sơn bỏ bê gia đình và không quan tâm đến vợ con. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại phân tích, khuyên giải nhiều lần nhưng không đem lại kết quả gì mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên từ

tháng 3 năm 2020 đến nay chị và anh S sống ly thân mỗi người một nơi, không liên lạc và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị L có đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Hoàng Hải S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung cháu Lê Thanh T, sinh ngày 28 tháng 1 năm 2019. Hiện cháu T đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và chị không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Chị và anh S không có tài sản chung, tài sản riêng của ai người đó quản lý sử dụng, công nợ chung của vợ chồng không có. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 07 năm 2021 của bị đơn anh Lê Hoàng Hải S trình bày: Anh và chị L có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND thị trấn P, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5, 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, công việc làm ăn kinh tế. Việc vợ chồng mâu thuẫn và không có hướng giải quyết khắc phục nên hai bên gia đình đã phân tích hòa giải nhưng không đem lại kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 3 năm 2020 chị L đã bế con về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân anh cũng xác định vợ chồng không có khả năng để đoàn tụ nhưng chị L có đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì con cái còn quá nhỏ. Nếu được nuôi con chung thì anh mới đồng ý ly hôn với chị L trong trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

Về con chung: Anh và chị L có một con chung cháu Lê Thanh T sinh ngày 28 tháng 11 năm 2019, hiện cháu đang ở cùng với chị L trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Lê Thanh T cho anh chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Lê Hoàng Hải S.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu cháu Lê Thanh T sinh ngày 28 tháng 11 năm 2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Hoàng Hải S không phải cấp dưỡng đối với cháu T và có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Trần Thị L nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Hoàng Hải S có nơi cư trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn là anh Lê Hoàng Hải S. Cả chị L và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Hoàng Hải S có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Lê Hoàng Hải S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình một thời gian ngắn sau đó đi làm ăn xa. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau. Cả chị L và anh S đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và không có khả năng về đoàn tụ. Anh chị cũng thừa nhận từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay chị L đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã C sinh sống đồng thời anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh S có văn bản ý kiến thừa nhận việc vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh không nhất trí ly hôn vì con gái của anh còn nhỏ, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị L để anh được nuôi con chung của vợ chồng thì anh mới đồng ý ly hôn. Trong trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh S không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời anh S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh. Điều đó thể hiện việc anh S không thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh cũng bỏ mặc và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn P thể hiện: Chị L và anh S có Đăng ký kết hôn với nhau năm 2019 tại UBND thị trấn P. Sau khi kết hôn anh chị về

chung sống cùng bà ngoại của anh S tại phố K, thị trấn P được một thời gian ngắn thì anh chị lên Hà Nội làm ăn sinh sống thỉnh thoảng mới về nhà. Quá trình anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì của chị L, anh S về việc vợ chồng mâu thuẫn. Nhưng từ đầu năm 2021 đến nay chỉ có anh S về sinh sống tại địa phương. Nay chị L xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau hơn một năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị L và anh S có một con chung cháu Lê Thanh T sinh ngày 28 tháng 11 năm 2019. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu T do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cả chị L và anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T. Tuy nhiên cháu T hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi về nguyên tắc phải giao cho mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nay cần giao cháu Lê Thanh T sinh ngày 28 tháng 11 năm 2019 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do chị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng đối với cháu T nên anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Hoàng Hải S được ly hôn
2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh T sinh ngày 28 tháng 11 năm 2019 cho chị Trần Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Lê Hoàng Hải S không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002616 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND thị trấn P.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**